

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày 25 – 6 – 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Sơn.

Ông Phạm Thế Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu T2hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Y S HĐOK. Tên gọi khác: Ama N, sinh ngày 01/01/1974 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Ê Đê; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y H Knul, sinh năm 1950 và bà H D Hđok, sinh năm 1954; có vợ tên là H' J Bkrông, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2018 đến ngày 12/02/2019, được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt.

2. LƯƠNG TIẾN H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1976 tại huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Tiến D, sinh năm 1951 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1954; có vợ tên là Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: 01 tiền án, ngày 30/5/2011 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 năm tù về tội Giết người, tại bản án

hình sự phúc thẩm số 185/2011/HSPT, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 12 tháng, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2007/HSST, ngày 30/5/2011 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 năm tù về tội Giết người, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 185/2011/HSPT, ngày 02/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2018 đến ngày 12/2/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt.

3. NGUYỄN TẮT T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1993 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất K, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị C, sinh năm 1956; có vợ tên là Nguyễn Thị X, sinh năm 1995 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2019 đến ngày 22/05/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt.

4. NGUYỄN VĂN T1, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1981 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950; có vợ tên là Trần Thúy N, sinh năm 1989 và 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. PHẠM C, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1973 tại huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Tần Thị C, sinh năm 1937; có vợ tên là Lê Thị P (đã chết) và 04 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 16/12/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Y Ỗ NIÊ, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1986 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Ê Đê; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y Đ Hđok, sinh năm 1955 và bà H N Niê, sinh năm 1958; có vợ tên là H J Hđok, sinh năm 1987 và có 04 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2018

đến ngày 24/12/2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Y D KNUL, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1994 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Ê Đê; giới tính: nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y B Ê Ban, sinh năm 1958 và bà H N Knul, sinh năm 1947; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. NGUYỄN HỮU T2, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1989 tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; có vợ tên là H D Niê, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Y K BKRÔNG. Tên gọi khác: Ama D, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1995 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Ê Đê; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y S Hđok, sinh năm 1974 và bà H' J Bkrông, sinh năm 1977; có vợ tên là H G H'Đok, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Y S Hđok, Nguyễn Tất T.

Ông Ngô Đình K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Lương Tiến H, Y D Knul.

Bà Trần Thị Phương L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Y C Niê, Y K Bkrông, Nguyễn Văn T1.

Bà Phạm Thị Minh P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà H J Bkrông, sinh năm 1977. Cư trú tại: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Y T Hđok, sinh năm 1987. Trú tại: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Anh Y R Bkrông, sinh năm 1983. Trú tại: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Anh Y L Ayũn, sinh năm 1994. Trú tại: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người phiên dịch:

Ông Y K Niê – Buôn trưởng buôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 15/12/2018, Lương Tiến H và Nguyễn Văn T1 đến nhà của Y S Hđok, ở Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhậu cùng với Y S Hđok, Y K Bkrông và Nguyễn Tất T. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Y S Hđok rủ mọi người đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, thì mọi người đồng ý. Sau đó, Y S Hđok lấy 01 chén nhựa màu trắng có nhiều hoa văn, 01 đĩa nhựa màu xanh lá cây, còn T lấy bộ bài 52 lá có sẵn trong nhà Y S Hđok ra cắt làm 04 con vị để phục vụ cho việc đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc, Y S Hđok là người cầm cái xóc đĩa cho T, H, T1 đặt cược tiền và cầm trên tay số tiền 7.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Sau đó Nguyễn Hữu T2, Phạm C, Y K Bkrông, Y D Knul và Y Ắ Niê đến cùng tham gia đánh bạc. Nguyễn Hữu T2 sử dụng số tiền 100.000 đồng (tiền do Y S Hđok cho) để đánh bạc, đánh được 02 ván thì thua hết tiền ngồi xem, Phạm C sử dụng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc, đánh được từ 5 đến 6 ván thì thua hết tiền nhưng vẫn ngồi lại xem, Y K Bkrông sử dụng số tiền 100.000 đồng (tiền do Y S Hđok cho) để đánh bạc, đánh được 02 ván thì thua nên ngồi xem mọi người đánh bạc, Y D Knul sử dụng số tiền 160.000 đồng để đánh bạc, đánh được 04 ván thì thua hết tiền nhưng vẫn ngồi xem và Y Ắ Niê dùng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Tất T sử dụng số tiền 5.000.000 đồng tham gia đánh bạc và Nguyễn Văn T1 sử dụng số tiền 1.500.000 đồng tham gia đánh bạc, sau khi thua hết tiền T và T1 vẫn ngồi tại chiếu bạc xem. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, trong lúc Y S Hđok đang làm cái xóc đĩa để Lương Tiến H và Y Ắ Niê đặt tiền, còn Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu T2, Phạm C, Y D Knul, Y K Bkrông, Nguyễn Tất T và một số người khác đang ngồi xem thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana phát hiện bắt quả tang. Khi bị bắt quả tang Nguyễn Tất T có tham gia đánh bạc với Y S Hđok đã chạy thoát, ngày 13/3/2019 Nguyễn Tất T bị bắt theo Quyết định truy nã bị can số 02/QĐTNBC-HS ngày 19/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 17.410.000 đồng; 01 chén nhựa màu trắng, 01 đĩa nhựa màu xanh, 04 con vị hình tròn được cắt ra từ bộ bài Túlokhơ, 01 cái chiếu nhựa màu xanh phục vụ cho việc đánh bạc. Thu giữ trên người của Lương Tiến H số tiền 500.000 đồng, thu giữ trên người của Y Ớ Niê số tiền 500.000 đồng, thu giữ trên người của Phạm C số tiền 10.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá huyện Krông Ana, kết luận: 01 (một) phòng khách có diện tích (6,9x3,25)m, nền nhà bằng xi măng, bộ khung nhà được làm bằng gỗ bao gồm 06 cột gỗ bằng lăng vuông (20x20)cm dài 03 mét; 03 cây gỗ vuông (20x20)cm dài 3,25 mét, ván tường được làm bằng gỗ bằng lăng, mái nhà được làm bằng ngói. Tổng giá trị tài sản là 3.495.000 đồng.

Cáo trạng số 13/CT-VKS-HS ngày 16/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố các bị cáo: Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ớ Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo: Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ớ Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana đã truy tố. Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 15/12/2019 sau khi nhận xong, bị cáo Y S Hđok rủ các bị cáo khác tham gia đánh bạc với hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà của bị cáo Y S ở Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang tham gia đánh bạc, thì bị Công an huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tang vật và số tiền 17.410.000 đồng tại chiếu bạc. Thu giữ trên người của Lương Tiến H số tiền 500.000 đồng; Thu giữ trên người của Y Ớ Niê số tiền 500.000 đồng; Thu giữ trên người của Phạm C số tiền 10.000 đồng.

Các bị cáo đã dùng số tiền tham gia đánh bạc gồm: Y S Hđok dùng số tiền 7.000.000 đồng tham gia đánh bạc, đồng thời làm “cái” (là người xóc đĩa) cho các bị cáo còn lại đặt cược; Nguyễn Tất T dùng số tiền 5.000.000 đồng tham gia đánh bạc, đánh được một lúc thì thua hết tiền nhưng vẫn ngồi lại xem; Lương Tiến H dùng số tiền 1.700.000 đồng tham gia đánh bạc, thua hết 1.200.000 đồng, đánh đến khi bị bắt và bị thu giữ 500.000 đồng; Nguyễn Văn T1 dùng số tiền 1.500.000 đồng tham gia đánh bạc, đánh được một lúc thì thua hết tiền nhưng vẫn ngồi lại xem; Phạm C dùng số tiền 700.000 đồng tham gia đánh bạc, thua hết 690.000 đồng thì nghỉ, nhưng vẫn ngồi lại xem, khi bị bắt bị thu giữ 10.000 đồng; Y Ớ Niê dùng số tiền 500.000 đồng tham gia đánh bạc, đánh được 02 ván, mỗi ván đặt 200.000 đồng, thua một ván, thắng một ván thì bị bắt, bị thu giữ số tiền 500.000 đồng; Y D Knul dùng số tiền 160.000 đồng tham gia đánh bạc, đánh được 04 ván thì thua hết tiền, nhưng vẫn ngồi lại xem; Nguyễn Hữu T2 dùng số tiền 100.000 đồng (tiền do Y S Hđok cho) tham gia đánh bạc, đánh được 02 ván thì thua hết

tiền nhưng vẫn ngồi lại xem; Y K Bkrông dùng số tiền 100.000 đồng (tiền do Y S Hđok cho) tham gia đánh bạc, đánh được 02 ván thì thua hết tiền nhưng vẫn ngồi lại xem.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H' J Bkrông trình bày:

Bà là vợ của bị cáo Y S Hđok, ngày 15/12/2018 bà đi vắng nên không biết việc bị cáo Y S Hđok rủ các bị cáo còn lại đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà của vợ chồng bà, hiện nay bà H' J Bkrông và bị cáo Y S Hđok đang quản lý và sử dụng căn phòng mà các bị cáo dùng làm địa điểm đánh bạc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ế Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y S Hđok từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2018 đến ngày 12/02/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Tiến H từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2018 đến ngày 12/02/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2019 đến ngày 22/5/2019 là 71 ngày, nên khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là 07 tháng 03 ngày.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, nên khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là 01 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, nên khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là 01 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 16/12/2018 là 02 ngày, nên khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là 06 ngày.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y Ắ Niê từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, nên khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là 01 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y D Knul từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, nên khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là 01 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y K Bkrông từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, nên khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là 01 tháng.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập:

Do các bị cáo đều thuộc diện hộ cận nghèo hoặc hộ nghèo, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.410.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 500.000 đồng thu giữ trên người của Lương Tiến H; 500.000 đồng thu giữ trên người của Y Ắ Niê; 10.000 đồng thu giữ trên người của Phạm C là số tiền các bị cáo dùng đánh bạc; ½ giá trị căn phòng của vợ chồng bị cáo Y S Hđok và bà H' J Bkrông, là địa điểm bị cáo Y S Hđok dùng tổ chức đánh bạc, trị giá 1.747.500 đồng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 chén nhựa màu trắng, 01 đĩa nhựa màu xanh, 04 con vị hình tròn được cắt ra từ bộ bài Túlokhơ, 01 cái chiếu nhựa màu xanh phục vụ cho việc đánh bạc.

Các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo:

Về tội danh người bào chữa thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đều thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo. Đối với các bị cáo là người dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của mức hình phạt mà kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là vi phạm pháp luật, hiện điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, tạo cơ hội để sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Ana, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ắ Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về mặt thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 15/12/2018, các bị cáo Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ắ Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông có hành vi đánh bạc tại nhà của bị cáo Y S Hđok ở Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Krông Ana phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 17.410.000 đồng, thu giữ trên người các bị cáo 1.010.000 đồng, cùng các tang vật khác sử dụng đánh bạc.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tại phiên tòa truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo: Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ỗ Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đã thành niên hoàn toàn bình thường về trí lực, buộc phải biết việc đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hoặc hiện vật đều bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo cố ý phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò người thực hành, trực tiếp tham gia và sử dụng số tiền khác nhau để đánh bạc, nên cần phân tích, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo khi quyết định hình phạt, để không những trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo Y S Hđok là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo những bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tổ chức địa điểm và chuẩn bị công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Quá trình đánh bạc bị cáo Y S Hđok là người cầm cái xóc đĩa để các bị cáo còn lại tham gia đặt cược được thua bằng tiền, bị cáo sử dụng số tiền 7.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, là người sử dụng số tiền lớn nhất tham gia đánh bạc trong số các bị cáo, ngoài ra bị cáo còn cho tiền bị cáo Y K Bkrông và bị cáo Nguyễn Hữu T2 để hai bị cáo này cùng tham gia đánh bạc.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự bị cáo được hưởng khi lượng hình.

Bị cáo Lương Tiến H dùng số tiền 1.700.000 đồng để tham gia đánh bạc. Về

nhân thân, ngày 11/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 12 tháng, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2007/HSST. Ngày 30/5/2011 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 năm tù về tội Giết người, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 185/2011/HSPT, ngày 02/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương sinh sống. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu sửa bản thân, làm người lương thiện mà tiếp tục phạm tội, thể hiện con người khó cải tạo, khó giáo dục. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, là đối tượng hộ cận nghèo của xã E, huyện K. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

Vì vậy cần phải cách ly bị cáo Y S Hđok và Lương Tiến H khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm chung.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 dùng số tiền 1.500.000 đồng đánh bạc, bị cáo Phạm C dùng số tiền 700.000 đồng đánh bạc, bị cáo Y Ǻ Niê dùng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, bị cáo Y D Knul dùng số tiền 160.000 đồng đánh bạc, bị cáo Y Khuên dùng số tiền 100.000 đồng đánh bạc, bị cáo Nguyễn Hữu T2 dùng số tiền 100.000 đồng đánh bạc, bị cáo Nguyễn Tất T dùng số tiền 5.000.000 đồng đánh bạc, khi bị lực lượng Công an bắt quả tang bị cáo chạy thoát, ngày 13/3/2019 bị bắt theo Quyết định truy nã bị can số 02/QĐTNBC-HS ngày 19/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana, ngày 22/5/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Tất T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu T2, Phạm C, Y Ǻ Niê, Y D Knul, Y K Bkrông đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự các bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách pháp luật khoan hồng.

Bị cáo Nguyễn Tất T, Nguyễn Văn T1, Phạm C có điều kiện kinh tế khó khăn, là đối tượng chính sách hộ cận nghèo và hộ nghèo ở xã E, huyện K. Riêng bị cáo Nguyễn Tất T có vợ là Nguyễn Thị X nhưng đã bỏ đi từ giữa năm 2018 đến nay, bị cáo phải nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2013 và 2015. Bản thân bị cáo là lao động chính và duy nhất trong gia đình. Bố mẹ bị cáo đã già yếu, không còn khả năng lao động. Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh và được UBND xã E, huyện K

xác nhận. Các bị cáo Y C Niê, Y D Knul, Y K Bkrông là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà các bị cáo Nguyễn Tất T, Nguyễn Văn T1, Phạm C, Y C Niê, Y D Knul, Y K Bkrông được hưởng khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đối với các bị cáo Nguyễn Tất T, Nguyễn Văn T1, Phạm C, Y C Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt trước khi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Thiết nghĩ không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và đạt được mục đích của hình phạt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều thuộc diện hộ cận nghèo hoặc hộ nghèo, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Các bị cáo đang nuôi con nhỏ, xét thấy miễn khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian cải tạo đối với các bị cáo là phù hợp

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

[4] Về căn phòng mà các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc: Đây là tài sản chung của bị cáo Y S Hđok và bà H' J Bkrông, việc bị cáo Y S sử dụng căn phòng này làm địa điểm tổ chức đánh bạc bà H J không biết, vì vậy cần tịch thu, sung quỹ nhà nước ½ giá trị căn phòng này.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.410.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 500.000 đồng thu giữ trên người Lương Tiến H; 500.000 đồng thu giữ trên người của Y C Niê, 10.000 đồng thu giữ trên người của Phạm C là tiền dùng vào việc đánh bạc; ½ giá trị căn phòng của vợ chồng bị cáo Y S và bà H' J trị giá 1.747.500 đồng là địa điểm bị cáo Y S Hđok tổ chức đánh bạc. (Có đặc điểm như trong biên bản kê biên tài sản ngày 08/01/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Ana).

Tịch thu, tiêu hủy 01 chén nhựa màu trắng, 01 đĩa nhựa màu xanh, 04 con vị hình tròn, 01 chiếc nhựa màu xanh, đỏ, vàng, trắng (có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/6/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an

huyện Krông Ana và Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana), là vật chứng của vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1 đều thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, bị cáo Y S Hđok, Y Ǻ Niê, Y D Knul, Y K Bkrông là người đồng bào dân tộc thiểu số cư ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ǻ Niê, Y D Knul, Y K Bkrông.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Nguyễn Văn T1, Phạm C, Y Ǻ Niê, Nguyễn Hữu T2, Y D Knul, Y K Bkrông phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y S Hđok **01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/02/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Tiến H **07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/02/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2019 đến ngày 22/05/2019 là 71 ngày, bằng 07 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **01 (một) năm 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã E nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 **09 (chín) tháng** cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, bằng 01 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **08 (tám) tháng**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã E nơi bị cáo cư trú

nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, bằng 01 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05 (năm) tháng**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã E nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm C **06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 16/12/2018 là 02 ngày, bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã E nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y Ế Niê **06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, bằng 01 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05 (năm) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã E nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y D Knul **06 tháng** cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, bằng 01 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05 (năm) tháng**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã E nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y K Bkrông **06 tháng** cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 là 10 ngày, bằng 01 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành **05 (năm) tháng**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã E nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Tất T, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Văn T1, Phạm C, Y Ế Niê, Y K Bkrông, Y D Knul cho UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Tuyên miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Tất T, Nguyễn Văn T1, Phạm C, Y Ắ Niê, Y D Knul, Nguyễn Hữu T2, Y K Bkrông.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.420.000 đồng (biên lai thu tiền số AA/2013/16139 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana). Trong đó: 17.410.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 500.000 đồng thu giữ trên người Lương Tiến H; 500.000 đồng thu giữ trên người của Y Ắ Niê, 10.000 đồng thu giữ trên người của Phạm C.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng của vợ chồng bị cáo Y S Hđok và bà H' J Bkrông trị giá 1.747.500 đồng, có đặc điểm như trong biên bản kê biên tài sản ngày 08/01/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana.

Tịch thu, tiêu hủy 01 chén nhựa màu trắng, 01 đĩa nhựa màu xanh, 04 con vị hình tròn, 01 chiếu nhựa màu xanh, đỏ, vàng, trắng. (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana với Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: Y S Hđok, Lương Tiến H, Nguyễn Tất T, Phạm C, Nguyễn Văn T1, Y Ắ Niê, Y D Knul, Y K Bkrông.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T2 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- CQCSĐTCA huyện Krông Ana;
- Nhà tạm giữ CA huyện Krông Ana;
- Bị cáo;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Ngọc